

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: KINH TẾ VI MÔ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Môn		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360443	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/09/2007	02KT15C1	5,0	5,0	5,0		3,0		3,8	Thi lại
2	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02KT15A1	8,0	8,5	8,3		7,0		7,5	Đạt
3	2223360337	Nguyễn Viết Thành	Công	20/10/2007	02KT15C1	6,0	8,5	7,7		5,5		6,4	Đạt
4	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02KT15A1	6,0	9,5	8,3		9,0		8,7	Đạt
5	2223360585	Phan Huỳnh Mỹ	Hạnh	15/05/2007	02KT15C1	7,0	8,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
6	2223360490	Phạm Thị Ngọc	Hân	05/09/2007	02KT15C1	5,0	5,0	5,0		5,0		5,0	Đạt
7	2223360283	Trần Như Châu Thanh	Hòa	16/04/2007	02KT15C1	5,0	5,0	5,0		3,0		3,8	Thi lại
8	2223360094	Nguyễn Võ Minh	Huy	19/10/2001	02KT15C1	9,0	10,0	9,7		9,0		9,3	Đạt
9	2223360584	Thái	Kiệt	09/04/2004	02KT15C1	9,0	8,0	8,3		8,0		8,1	Đạt
10	2223240290	Đỗ Duy	Khang	24/03/2003	02KT15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
11	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02KT15C1	8,0	4,0	5,3		6,0		5,7	Đạt
12	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	5,0	5,0	5,0		6,0		5,6	Đạt
13	2223360323	Phạm Ngọc Thanh	Loan	19/08/2007	02KT15C1	9,0	8,5	8,7		8,0		8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	2223360149	Thiệu Thanh	Mỹ	16/10/2007	02KT15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
15	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/2007	02KT15C1	5,0	9,0	7,7		3,5		5,2	Đạt
16	2223240145	Phạm Tấn	Nhất	11/05/1996	02KT15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
17	2223360153	Nguyễn Thị Yến	Như	20/07/2007	02KT15C1	5,0	9,0	7,7		8,5		8,2	Đạt
18	2223360344	Trần Ngọc	Như	16/11/2007	02KT15C1	7,0	8,5	8,0		8,0		8,0	Đạt
19	2223360359	Võ Ngọc Phi	Phụng	15/01/2007	02KT15C1	5,0	8,0	7,0		5,5		6,1	Đạt
20	2223360332	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2007	02KT15C1	7,0	5,0	5,7		3,5		4,4	Đạt
21	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phương	27/06/2006	02KT15C1	7,0	5,0	5,7		6,0		5,9	Đạt
22	2223360587	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phương	04/10/2003	02KT15C1	5,0	5,0	5,0		5,5		5,3	Đạt
23	2223360542	Huỳnh Ngọc Minh	Quân	13/08/2005	02KT15C1	8,0	5,0	6,0		5,0		5,4	Đạt
24	2223240157	Đào Trung	Tín	09/12/2002	02KT15A1	9,0	10,0	9,7		7,5		8,4	Đạt
25	2223360538	Đinh Thị Cẩm	Tú	03/06/2006	02KT15C1	8,0	5,0	6,0		7,5		6,9	Đạt
26	2223240230	Trần Thị Ngọc	Tuyền	18/01/2004	02KT15A1	8,5	10,0	9,5		8,5		8,9	Đạt
27	2223240252	Đặng Tấn	Thành	22/11/2004	02KT15A1	7,0	8,5	8,0		8,5		8,3	Đạt
28	2223360418	Hoàng Ngọc Anh	Thi	21/07/2007	02KT15C1	6,0	5,0	5,3		0,0		2,1	Thi lại
29	2223360524	Trần Minh	Thu	21/08/2004	02KT15C1	8,5	7,0	7,5		7,5		7,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
30	2223360355	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	25/04/2007	02KT15C1	9,0	5,0	6,3		6,0		6,1	Đạt
31	2223360165	Võ Mai	Trang	25/09/2007	02KT15C1	7,0	7,0	7,0		5,0		5,8	Đạt
32	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02KT15C1	5,0	0,0	1,7	TBKT			0,7	Học lại
33	2223240231	Phan Ngọc	Trâm	09/01/2004	02KT15A1	8,5	8,5	8,5		8,5		8,5	Đạt
34	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	19/07/2007	02KT15C1	7,0	5,0	5,7		5,0		5,3	Đạt
35	2223360420	Đào Thị Mỹ	Uyên	17/02/2007	02KT15C1	8,0	7,5	7,7		2,0		4,3	Đạt
36	2223240285	Trương Tường	Vi	13/04/2004	02KT15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
37	2223360201	Bùi Ngọc Vân	Vy	17/03/2007	02KT15C1	5,0	5,0	5,0		2,0		3,2	Thi lại

MÔN: MARKETING CĂN BẢN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360443	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/09/2007	02KT15C1	4,0	6,3	5,5		10,0		8,2	Đạt
2	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02KT15A1	3,8	8,0	6,6		7,5		7,1	Đạt
3	2223360337	Nguyễn Viết Thành	Công	20/10/2007	02KT15C1	5,5	5,8	5,7		6,5		6,2	Đạt
4	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02KT15A1	4,0	6,8	5,8		10,0		8,3	Đạt
5	2223360585	Phan Huỳnh Mỹ	Hạnh	15/05/2007	02KT15C1	5,5	8,5	7,5		10,0		9,0	Đạt
6	2223360490	Phạm Thị Ngọc	Hân	05/09/2007	02KT15C1	3,5	7,3	6,0		5,0		5,4	Đạt
7	2223360283	Trần Như Châu Thanh	Hòa	16/04/2007	02KT15C1	5,0	5,5	5,3		0,0		2,1	Thi lại
8	2223360094	Nguyễn Võ Minh	Huy	19/10/2001	02KT15C1	3,5	6,0	5,2		6,5		6,0	Đạt
9	2223360584	Thái	Kiệt	09/04/2004	02KT15C1	3,5	8,5	6,8		10,0		8,7	Đạt
10	2223240290	Đỗ Duy	Khang	24/03/2003	02KT15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
11	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02KT15C1	5,0	7,3	6,5		0,0		2,6	Thi lại
12	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	3,5	6,5	5,5		0,0		2,2	Thi lại
13	2223360323	Phạm Ngọc Thanh	Loan	19/08/2007	02KT15C1	4,8	8,0	6,9		9,0		8,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Môn		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	2223360149	Thiệu Thanh	Mỹ	16/10/2007	02KT15C1	4,0	6,0	5,3		7,5		6,6	Đạt
15	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/2007	02KT15C1	4,0	6,5	5,7		6,5		6,2	Đạt
16	2223240145	Phạm Tấn	Nhất	11/05/1996	02KT15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
17	2223360153	Nguyễn Thị Yên	Như	20/07/2007	02KT15C1	3,5	7,0	5,8		8,5		7,4	Đạt
18	2223360344	Trần Ngọc	Như	16/11/2007	02KT15C1	5,0	7,5	6,7		9,0		8,1	Đạt
19	2223360359	Võ Ngọc Phi	Phụng	15/01/2007	02KT15C1	4,0	6,0	5,3		5,0		5,1	Đạt
20	2223360332	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2007	02KT15C1	4,0	6,0	5,3		7,0		6,3	Đạt
21	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phương	27/06/2006	02KT15C1	5,5	9,5	8,2		10,0		9,3	Đạt
22	2223360587	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phương	04/10/2003	02KT15C1	3,0	7,5	6,0		5,0		5,4	Đạt
23	2223360542	Huỳnh Ngọc Minh	Quân	13/08/2005	02KT15C1	3,5	6,0	5,2		6,0		5,7	Đạt
24	2223240157	Đào Trung	Tín	09/12/2002	02KT15A1	9,5	9,5	9,5		10,0		9,8	Đạt
25	2223360538	Đinh Thị Cẩm	Tú	03/06/2006	02KT15C1	4,0	6,0	5,3		7,0		6,3	Đạt
26	2223240230	Trần Thị Ngọc	Tuyền	18/01/2004	02KT15A1	5,3	10,0	8,4		10,0		9,4	Đạt
27	2223240252	Đặng Tấn	Thành	22/11/2004	02KT15A1	5,8	7,5	6,9		10,0		8,8	Đạt
28	2223360418	Hoàng Ngọc Anh	Thi	21/07/2007	02KT15C1	3,5	6,0	5,2		5,0		5,1	Đạt
29	2223360524	Trần Minh	Thu	21/08/2004	02KT15C1	3,0	7,5	6,0		8,0		7,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB MônKQ1		
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
30	2223360355	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	25/04/2007	02KT15C1	4,0	6,0	5,3		10,0		8,1	Đạt
31	2223360165	Võ Mai	Trang	25/09/2007	02KT15C1	4,0	6,5	5,7		9,0		7,7	Đạt
32	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02KT15C1	4,0	0,0	1,3	TBKT	0,0		0,5	Học lại
33	2223240231	Phan Ngọc	Trâm	09/01/2004	02KT15A1	5,5	8,5	7,5		10,0		9,0	Đạt
34	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	19/07/2007	02KT15C1	3,5	6,5	5,5		5,0		5,2	Đạt
35	2223360420	Đào Thị Mỹ	Uyên	17/02/2007	02KT15C1	3,5	6,5	5,5		7,5		6,7	Đạt
36	2223240285	Trương Tường	Vi	13/04/2004	02KT15A1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
37	2223360201	Bùi Ngọc Vân	Vy	17/03/2007	02KT15C1	6,5	5,5	5,8		9,0		7,7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360443	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/09/2007	02KT15C1	7,5	5,0	5,8		7,8		7,0	Đạt
2	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02KT15A1	7,0	5,5	6,0		7,5		6,9	Đạt
3	2223360337	Nguyễn Việt Thành	Công	20/10/2007	02KT15C1	9,0	5,0	6,3		7,8		7,2	Đạt
4	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02KT15A1	10,0	9,0	9,3		8,5		8,8	Đạt
5	2223360585	Phan Huỳnh Mỹ	Hạnh	15/05/2007	02KT15C1	10,0	5,0	6,7		8,8		7,9	Đạt
6	2223360490	Phạm Thị Ngọc	Hân	05/09/2007	02KT15C1	7,5	6,5	6,8		7,8		7,4	Đạt
7	2223360283	Trần Như Châu Thanh	Hòa	16/04/2007	02KT15C1	2,0	3,0	2,7	TBKT			1,1	Học lại
8	2223360094	Nguyễn Võ Minh	Huy	19/10/2001	02KT15C1	7,0	7,5	7,3		8,0		7,7	Đạt
9	2223360584	Thái	Kiệt	09/04/2004	02KT15C1	6,0	6,0	6,0		6,8		6,5	Đạt
10	2223240290	Đỗ Duy	Khang	24/03/2003	02KT15C1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
11	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02KT15C1	7,0	5,5	6,0		7,3		6,8	Đạt
12	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	04/02/2003	02KT15C1	7,0	5,0	5,7		7,5		6,8	Đạt
13	2223360323	Phạm Ngọc Thanh	Loan	19/08/2007	02KT15C1	10,0	6,0	7,3		6,8		7,0	Đạt
14	2223360149	Thiệu Thanh	Mỹ	16/10/2007	02KT15C1	9,0	5,0	6,3		6,5		6,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1		
							4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
15	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	16/01/2007	02KT15C1	7,5	5,0	5,8		6,8		6,4	Đạt
16	2223240145	Phạm Tấn	Nhất	11/05/1996	02KT15A1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
17	2223360153	Nguyễn Thị Yên	Như	20/07/2007	02KT15C1	7,5	5,5	6,2		4,0		4,9	Đạt
18	2223360344	Trần Ngọc	Như	16/11/2007	02KT15C1	10,0	6,0	7,3		7,3		7,3	Đạt
19	2223360359	Võ Ngọc Phi	Phụng	15/01/2007	02KT15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
20	2223360332	Nguyễn Thị Hồng	Phương	08/07/2007	02KT15C1	7,5	5,5	6,2		4,8		5,3	Đạt
21	2223360534	Nguyễn Hoàng Tiểu	Phương	27/06/2006	02KT15C1	9,0	5,0	6,3		4,3		5,1	Đạt
22	2223360587	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phương	04/10/2003	02KT15C1	7,0	5,5	6,0		6,5		6,3	Đạt
23	2223360542	Huỳnh Ngọc Minh	Quân	13/08/2005	02KT15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
24	2223240157	Đào Trung	Tín	09/12/2002	02KT15A1	10,0	10,0	10,0		9,3		9,6	Đạt
25	2223360538	Đinh Thị Cẩm	Tú	03/06/2006	02KT15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
26	2223240230	Trần Thị Ngọc	Tuyền	18/01/2004	02KT15A1	9,0	9,0	9,0		9,0		9,0	Đạt
27	2223240252	Đặng Tấn	Thành	22/11/2004	02KT15A1	10,0	6,0	7,3		7,3		7,3	Đạt
28	2223360418	Hoàng Ngọc Anh	Thi	21/07/2007	02KT15C1	3,0	3,0	3,0	TBKT			1,2	Học lại
29	2223360524	Trần Minh	Thu	21/08/2004	02KT15C1	10,0	6,0	7,3		6,5		6,8	Đạt
30	2223360355	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	25/04/2007	02KT15C1	9,0	5,0	6,3		7,0		6,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
31	2223360165	Võ Mai	Trang	25/09/2007	02KT15C1	6,0	5,0	5,3		6,8		6,2	Đạt
32	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02KT15C1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
33	2223240231	Phan Ngọc	Trâm	09/01/2004	02KT15A1	8,5	7,0	7,5		8,3		8,0	Đạt
34	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	19/07/2007	02KT15C1	9,0	6,0	7,0		7,3		7,2	Đạt
35	2223360420	Đào Thị Mỹ	Uyên	17/02/2007	02KT15C1	7,5	5,0	5,8		8,0		7,1	Đạt
36	2223240285	Trương Tường	Vi	13/04/2004	02KT15A1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
37	2223360201	Bùi Ngọc Vân	Vy	17/03/2007	02KT15C1	5,0	5,0	5,0		7,3		6,4	Đạt

